

Bản án số: 18/2024/HS-PT
Ngày 17-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán: Ông Phùng Đức Chính

Ông Vi Đức Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 07/2024/TLPT-HS ngày 29 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo Đỗ Đ và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Đỗ Đình T, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công X đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2023/HS-ST ngày 21-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Đ, sinh ngày 25-01-1983 tại huyện T, tỉnh Phú Yên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu Phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Kinh; giới: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ T (đã chết) và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Hứa Bạch T và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ ngày 02-7-2023 đến ngày 05-7-2023 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại; có mặt.

2. Lê Hà P, sinh ngày 01-01-1968 tại huyện G, Thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công Đ và bà Nguyễn Thị Đ; có vợ là Nguyễn Thị Kim L (đã ly hôn năm 2009) và có 01 con; tiền sự, tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm

hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ ngày 02-7-2023 đến ngày 05-7-2023 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại; có mặt

3. Trần Mạnh H, sinh ngày 17-6-1976 tại quận H, Thành phố Hà Nội. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức T và bà Phạm Thị M; có vợ là Lô Bích N (chưa đăng ký kết hôn) và có 01 con; tiền sự, tiền án: Không có; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 320/HSST ngày 27/8/2004 của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích), chưa bị xử phạt vi phạm vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02-7-2023 đến ngày 05-7-2023 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại; có mặt.

4. Đỗ Đình T, sinh ngày 10-02-1969 tại huyện H, tỉnh Bình Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ C và bà Trần Thị N; có vợ là Phan Thị T (đã ly hôn) và có 03 con; tiền sự: Không có; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2014/HSST ngày 08/01/2014 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo 06 tháng 29 ngày tù về tội Đánh bạc, phạt bổ sung 3.000.000 đồng, ngày 05-10-2023 chấp hành xong phần án phí và hình phạt bổ sung; nhân thân: Chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02-7-2023 đến ngày 05-7-2023 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại; có mặt.

5. Nguyễn Thị Xuân H, sinh ngày 01-10-1965 tại huyện H, tỉnh Bình Định. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T 2, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn L và bà Võ Thị C; chồng: Chưa có; con: có 02 con; tiền sự, tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02-7-2023 đến ngày 05-7-2023 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại; có mặt.

6. Nguyễn Thị T, sinh ngày 26-12-1972 tại huyện V, thành phố Cần Thơ. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp P A, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; chồng: Chưa có; con: Có 01 con; tiền sự, tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02-7-2023 đến ngày 05-7-2023 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại; có mặt.

7. Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 15-9-1975 tại huyện X, tỉnh Đồng Nai. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp T, xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai; nghề

nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị S; có vợ là Nguyễn Thị Kim D (đã ly hôn năm 2013) và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02-7-2023 đến ngày 05-7-2023 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay tại ngoại; có mặt.

8. Nguyễn Công X, sinh ngày 08-6-1985 tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đường D, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị Thu H; có vợ là Đặng Thị Minh L và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02-7-2023, đến ngày 05-7-2023 áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện nay bị cáo đang chấp hành biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy P thuộc Sở L thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Ngoài ra, còn có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 02-7-2023, Tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đang làm nhiệm vụ tại khu vực Bãi xe B thuộc thôn N, xã T, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn phát hiện tại Ki ốt số 45 tầng 2 do chị Xuân Thị T quản lý có 08 đối tượng đang đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh “Bình xập xám” và đánh “Liêng” tại 02 chiếu bạc.

Tại chiếu bạc đánh “Bình xập xám” gồm: Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Đỗ Đình T đánh bạc dưới hình thức đánh “Bình xập xám” thu giữ trên sới bạc số tiền 8.040.000 đồng; 52 lá bài tú lơ khơ và 01 vỏ chắn.

Tại chiếu bạc đánh “Liêng” gồm: Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công X đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” thu giữ trên chiếu bạc số tiền 6.360.000 đồng; 52 lá bài tú lơ khơ và 01 vỏ chắn.

Quá trình điều tra các bị cáo đã khai nhận:

Khoảng 09 giờ ngày 02-7-2023 Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H và Đỗ Đình T đang ở tầng 2, Ki ốt thấy có bộ bài tú lơ khơ ở trên giường, nên đã rủ nhau đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh “Bình xập xám”. Quá trình tham gia đánh bạc các đối tượng sử dụng số tiền để đánh bạc như sau: Đỗ Đ bỏ ra số tiền 2.040.000 đồng, Lê Hà P bỏ ra 1.200.000 đồng, Trần Mạnh H bỏ ra số tiền 3.300.000 đồng và Đỗ Đình T bỏ ra số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc.

Khoảng 15 giờ cùng ngày các đối tượng Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công X cũng đang ở trong phòng trọ trên đã rủ nhau đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi “Liêng”. Quá trình tham gia đánh bạc các đối tượng sử dụng số tiền để đánh bạc như sau: Nguyễn Thị Xuân H bỏ ra số tiền 1.460.000 đồng, Nguyễn Thị T bỏ ra số tiền 1.600.000 đồng, Nguyễn Văn Đ bỏ ra số tiền 1.800.000 đồng và Nguyễn Công X bỏ ra số tiền 1.500.000 đồng để đánh bạc.

Các đối tượng đang đánh bạc đến khoảng 16 giờ cùng ngày 02-7-2023 thì bị tổ công tác Công an huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn bắt quả tang.

Tại Bản kết luận giám định số: 761/KL-KTHS, ngày 14/7/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam được niêm phong trong 02 phong bì gửi giám định là tiền thật.

Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2023/HS-ST ngày 21-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Đỗ Đình T, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công X phạm tội Đánh bạc.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Đ 09 tháng tù, các bị cáo Lê Hà P và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo 08 tháng tù, các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T và Nguyễn Công X mỗi bị cáo 07 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Đình T 09 tháng tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 09 tháng tù.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Đỗ Đình T, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công X kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo. Bị cáo Đỗ Đình T xin rút kháng cáo. Bị cáo Nguyễn Công X vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bản án sơ thẩm kết án các bị cáo về tội Đánh bạc là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; xử phạt các bị cáo Đỗ Đ, Đỗ Đình T, Trần Mạnh H mỗi bị cáo 09 tháng

tù, các bị cáo Lê Hà P và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo 08 tháng tù, các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T và Nguyễn Công X mỗi bị cáo 07 tháng tù là phù hợp. Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đỗ Đình T đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo, việc rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Đỗ Đình T.

Bị cáo Nguyễn Công X vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt với nội dung giữ nguyên kháng cáo xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị cáo Nguyễn Công X là đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Công X không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, hiện tại bị cáo đang bị đưa đi cai nghiện bắt buộc. Bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Công X, giữ nguyên hình phạt tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên.

Các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Nguyễn Văn Đ cung cấp cho Tòa án phiếu thu thể hiện các bị cáo đã tham gia ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam tỉnh Lạng Sơn; các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T cung cấp phiếu thu thể hiện tham gia ủng hộ quỹ vì người nghèo. Bị cáo Trần Mạnh H có nộp bổ sung 01 Giấy chứng nhận danh hiệu Chiến sĩ giỏi. Các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn Đ đều đã thi hành xong số tiền án phí 200.000 đồng theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Thị Xuân H còn cung cấp 01 Đơn xác nhận thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn Đ được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo đều đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo, cho các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

Bị cáo Nguyễn Công X phải chịu án phí theo quy định; các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Đỗ Đình T, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa mở lần thứ 2, vắng mặt bị cáo Nguyễn

Công X, bị cáo đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị cáo Nguyễn Công X.

[2] Bị cáo Đỗ Đình T tại phiên tòa phúc thẩm đã rút toàn bộ kháng cáo, việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân như Bản án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo Nguyễn Công X quá trình tại phiên tòa sơ thẩm cũng đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, việc truy tố và xét xử các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công X về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ và Nguyễn Công X, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, đánh giá đúng tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo Đỗ Đ, Trần Mạnh H mỗi bị cáo 09 tháng tù, các bị cáo Lê Hà P và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo 08 tháng tù, các bị cáo Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T và Nguyễn Công X mỗi bị cáo 07 tháng tù là phù hợp và có căn cứ.

[5] Các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn Đ đều là những người có nhân thân tốt, chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Nguyễn Văn Đ cung cấp cho Tòa án phiếu thu thể hiện các bị cáo đã tham gia ủng hộ nạn nhân chất độc màu da cam tỉnh Lạng Sơn; bị cáo Nguyễn Thị Xuân H và bị cáo Nguyễn Thị T cung cấp phiếu thu thể hiện đã tham gia ủng hộ Quỹ vì người nghèo năm 2024; bị cáo Nguyễn Thị Xuân H còn nộp cho Tòa án 01 Đơn xác nhận thể hiện bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương; 05 bị cáo đều đã thi hành xong số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T và Nguyễn Văn Đ được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ bị phạt tù không quá 03 năm, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; trong quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật; các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, ổn định, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo

và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ, giữ nguyên hình phạt tù cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

[6] Bị cáo Nguyễn Công X trước khi mở phiên tòa phúc thẩm đã bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy P thuộc Sở LThành phố Hồ Chí Minh, hiện nay bị cáo vẫn đang trong thời gian cai nghiện bắt buộc. Do đó, tại thời điểm xét xử phúc thẩm bị cáo Nguyễn Công X không đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt tù cấp sơ thẩm đã tuyên.

[7] Tại cấp phúc thẩm, bị cáo Trần Mạnh H cung cấp cho Tòa án 01 Giấy chứng nhận danh hiệu Chiến sĩ giỏi của bị cáo và 01 Biên lai thu tiền án phí hình sự sơ thẩm nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Do phát sinh tình tiết mới, bị cáo Trần Mạnh H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; năm 2004, bị cáo từng bị xử phạt 24 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng đến nay đã được xóa án tích nên có thể coi bị cáo là người có nhân thân tốt. Bị cáo Trần Mạnh H bị phạt tù không quá 03 năm, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt tù cấp sơ thẩm đã tuyên nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

[8] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Công X không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Đỗ Đình T tại phiên tòa đã rút kháng cáo, các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo về phần hình phạt của bị cáo Đỗ Đình T; quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số: 116/2023/HS-ST ngày 21-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn về phần hình phạt tù của bị cáo Đỗ Đình T có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

2. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356, khoản 1 Điều 351 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Công X; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 116/2023/HS-ST ngày 21-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công X 07 (bảy) tháng tù về tội Đánh bạc. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 02-7-2023 đến ngày 05-7-2023.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 116/2023/HS-ST ngày 21-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đối với phần hình phạt tù của các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ, cụ thể như sau:

3.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đỗ Đ 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Đ cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Hà P 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Hà P cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Mạnh H 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Mạnh H cho Ủy ban nhân dân phường T, quận H, Thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xuân H 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Xuân H cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 07 (bảy) tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

3.6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1, 2, 5 Điều 65; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo về tội Đánh bạc. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện X, tỉnh Đồng Nai để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm b, g, h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Công X phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Đỗ Đ, Lê Hà P, Trần Mạnh H, Nguyễn Thị Xuân H, Nguyễn Thị T, Nguyễn Văn Đ, Đỗ Đình T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- TAND H. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS H. V, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an H. Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lộc Sơn Thái

